

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2024/DS-ST**

Ngày: 18/7/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc: tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-ST ngày 25/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1978; Trú tại: thôn Y, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm: 1986; Trú tại: thôn Y, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/2/2024, ngày 11/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh và anh Trương Văn L chơi với nhau, là người cùng làng. Năm 2012, anh Trương Văn L có vay anh số tiền 1.350.000.000 đồng được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 07/5/2012, do anh L tự viết. Khi viết giấy và giao tiền là tại nhà của anh, không có ai chứng kiến. Khi đó, anh L đang làm nghề thợ sơn. Còn anh bán hàng vật liệu xây dựng, làm chung với bạn (anh Trịnh Hữu T1, quê ở V, Nam Định, hiện anh T1 đang sinh sống ở đâu thì anh không rõ, anh được biết anh T1 vỡ nợ nên đang đi trốn), thu nhập khoảng 30-40.000.000 đồng/tháng, làm từ năm 2008. Khi vay, anh L bảo vay sử

dụng vào việc riêng nên anh cũng không rõ anh L vay làm gì. Sau khi viết giấy, anh đã giao cho anh L số tiền trên. Tại giấy vay tiền, anh L cũng đã xác nhận là đã nhận đủ số tiền trên. Việc vay tiền là giao dịch riêng của anh và anh L, không liên quan đến vợ, bố mẹ anh L. Số tiền anh cho anh L vay là của cá nhân anh, không liên quan đến vợ anh.

Quá trình thực hiện thoả thuận, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả cho anh bất cứ một khoản nợ gốc và lãi nào. Anh đòi nhiều lần, qua nhiều năm nhưng anh L vẫn không trả. Ngoài giấy vay tiền này ra, giữa hai bên không có bất cứ một văn bản thoả thuận nào khác. Mỗi lần anh đòi tiền, anh L đều hứa là khi nào bán đất thì trả nhưng năm 2023 anh L bán đất mà vẫn không trả. Anh L chỉ hứa bằng lời nói mà không có văn bản nào, anh cũng không có tài liệu gì chứng minh về việc này. Đến năm 2024, anh không còn tin tưởng vào lời hứa của anh L nữa nên đã phải khởi kiện để yêu cầu Toà án buộc anh L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo như thoả thuận tại Giấy vay tiền ngày 07/5/2012.

Nay, anh yêu cầu anh **Trương Văn L** trả anh toàn bộ số tiền đã vay là 4.190.000.000 đồng (*Bốn tỷ một trăm chín mươi triệu đồng*), bao gồm: nợ gốc là 1.350.000.000 đồng, nợ lãi là 2.840.000.000 đồng, tính từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/3/2024 (làm tròn là 142 tháng), lãi suất là 20.000.000 đồng/tháng, tương đương là 1,48%/tháng và yêu cầu anh L tiếp tục trả lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ 08/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thoả thuận là 1,48%/tháng.

Anh có làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong toả tài sản của người có nghĩa vụ, cụ thể, anh yêu cầu phong toả tài sản là:

+ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: **Khu Đ, thôn Y, xã A, huyện H, Hà Nội** (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 684430, số vào sổ cấp GCN CH05051 do **UBND huyện H** cấp ngày 21/3/2024, chủ sử dụng là anh **Trương Văn L** và vợ là chị **Nguyễn Thị M**).

+ Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai: Biển kiểm soát 30K- 964.10, số loại ACCENT HC13 1.4AT PE, dung tích 1368, màu sơn trắng, số đăng ký 2868 do **Công an huyện H** cấp ngày 26/3/2024, chủ phương tiện **Trương Văn L**, số định danh 001086028178, địa chỉ **thôn Y, xã A, huyện H, Hà Nội**.

Tuy anh không thấy anh L có dấu hiệu gì về việc tẩu tán tài nhưng anh đề phòng anh L sẽ tẩu tán nên anh đề nghị Toà án phong toả tài sản này. Tài sản trên là tài sản chung của anh L và chị M chưa chia, hiện anh chị đang xây nhà trên đất.

Anh có nộp cho Toà án tài liệu là: Kết quả tra cứu đất đai ngày 11/4/2024 thể hiện tài sản của anh L, chị M, là do Văn phòng công chứng cung cấp (anh không nhớ văn phòng nào), nhưng không có dấu xác nhận; Kết quả tra cứu ô tô là anh nhờ người tra

cứu, anh không nhớ là nhờ ai. Anh đã được Toà án giải thích về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác nhưng anh chỉ yêu cầu áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản như đơn đã làm, không yêu cầu biện pháp nào khác. Ngoài hai tài liệu này ra, anh không có tài liệu nào khác. Anh yêu cầu Toà án xác minh, thu thập tài liệu xác minh về các tài sản của anh **L**.

Ngoài giấy vay tiền anh đã cung cấp cho Tòa án, anh không có giấy tờ nào khác về việc vay nợ giữa anh và anh **L**. Nay, anh yêu cầu anh **L** hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay là 4.190.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm chín mươi triệu đồng), bao gồm nợ gốc 1.350.000.000 đồng và lãi là 2.840.000.000 đồng (tạm tính đến ngày 07/3/2024).

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh **Trương Văn L** trình bày:

Anh và anh **Nguyễn Minh T** là người cùng làng. Khoảng năm 2009, anh có chơi cá độ bóng đá, do anh **T** làm chủ. Quá trình chơi, anh bị thua nhưng không có tiền trả nên anh **T** yêu cầu anh viết giấy vay nợ. Anh thua 70.000.000 đồng, khi đó, anh có nợ một người làng (anh không nhớ họ tên) 70.000.000 đồng, anh **T** nhận nợ hộ 70.000.000 đồng nên khoản nợ 70.000.000 đồng anh nợ người cùng làng được chuyển sang anh **T**. Do vậy, anh **T** có yêu cầu anh viết giấy vay nợ 140.000.000 đồng, lãi suất 02 tháng đầu là 3.500 đồng/01 triệu đồng, sau đó là 5.000 đồng/01 triệu đồng, do anh không trả được nợ nên anh **T** nhân lãi lên và gộp cả lãi vào thành nợ gốc. Mỗi lần đến hạn trả mà anh không trả được nợ thì anh **T** lại yêu cầu viết giấy nhận nợ mới. Toàn bộ các giấy nhận nợ anh **T** đều giữ lại, anh không được giữ. Lần cuối anh **T** yêu cầu anh viết giấy vay nợ là ngày 07/5/2012, là giấy mà anh **T** xuất trình tại Tòa án. Giấy này do tay anh viết và ký ở dưới, sau khi anh viết xong thì anh **T** cũng ký tên ở dưới và giữ lại giấy đó luôn. Nội dung giấy vay nợ là anh xác nhận có nợ anh **T** số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 20.000.000 đồng/tháng tính trên tổng số tiền vay. Thời hạn trả nợ từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/5/2014, nếu sai sẽ chịu lãi suất gấp đôi. Tại giấy vay nợ, anh có viết “Hai bên đã giao nhận số tiền trên đầy đủ trong trạng thái sức khỏe và trí tuệ hoàn toàn bình thường không bị ép buộc vì điều gì” nhưng thực tế, anh **T** không giao cho anh số tiền trên và anh viết giấy này là do anh **T** ép anh phải viết. Khi viết giấy chỉ có anh và anh **T**, không có ai khác chứng kiến.

Thời điểm đó, anh cũng không có nhu cầu sử dụng đến số tiền lớn như vậy, tuy nhiên, anh không có tài liệu gì chứng minh về việc này, vợ anh là chị **Nguyễn Thị M** cũng không biết gì về việc anh bị nợ này.

Từ khi viết giấy nợ, anh cũng có vài lần trả tiền lãi cho anh **T** nhưng anh không viết giấy tờ gì, không có tài liệu gì chứng minh.

Nay, anh **T** khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng và nợ lãi là 2.840.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 07/5/2012 thì anh không đồng ý. Anh yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của anh **T**, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T** do thời gian đã hơn 10 năm mới tiến hành khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc anh **L** phải trả anh số tiền nợ gốc và lãi như tại đơn khởi kiện, đối với số tiền lãi phạt gấp đôi như tại Giấy vay tiền ngày 07/5/2012 anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ gốc. Đối với số tiền nợ lãi, đã hết thời hiệu nên đình chỉ giải quyết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Anh **Nguyễn Minh T** và anh **Trương Văn L** đã ký kết giấy vay tiền nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Tại đơn khởi kiện thể hiện bị đơn cư trú tại **thôn Y, xã A, huyện H, Hà Nội**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về việc nguyên đơn yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản của bị đơn và đề nghị Toà án xác minh thu thập chứng cứ liên quan đến tài sản của anh **L**:

Tại Đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 04/5/2024 của anh Nguyễn Minh T, đề nghị phong toả các tài sản của anh Trương Văn L, gồm:

+ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Khu Đ, thôn Y, xã A, huyện H, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 684430, sổ vào sổ cấp GCN CH05051 do UBND huyện H cấp ngày 21/3/2024, chủ sử dụng là ông Trương Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị M).

+ Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai: Biển kiểm soát 30K 964.10, số loại ACCENT HC13 1.4AT PE, dung tích 1368, màu sơn trắng, số đăng ký 2868 do Công an huyện H cấp ngày 26/3/2024, chủ phương tiện Trương Văn L.

Xét, các tài liệu anh T giao nộp để chứng minh chủ sử dụng và chủ sở hữu tài sản là bản phô tô, không phải là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Các tài sản anh T yêu cầu phong toả không phải là tài sản riêng của anh Trương Văn L; anh T không chứng minh được việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này là cần thiết để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án. Anh Thư đã được Toà án giải thích về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác nhưng anh chỉ yêu cầu áp dụng biện pháp này.

Do vậy, Toà án không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản theo đơn đề nghị của anh T là phù hợp với Điều 126, Điều 133, 140 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Tùy theo yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời mà người yêu cầu phải cung cấp cho Toà án chứng cứ chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó*”. Do vậy, việc cung cấp tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là nghĩa vụ của anh T, việc anh T yêu cầu Toà án xác minh về các tài sản liên quan của anh L để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không phù hợp nên không chấp nhận.

1.4. Về yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn:

Tại Biên bản hoà giải ngày 05/6/2024, bị đơn – anh Trương Văn L yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Xét, tại Giấy vay tiền ngày 07/5/2012 thoả thuận thời hạn vay từ 07/5/2012 đến ngày 07/5/2014, số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng, ngoài giấy vay tiền này, các bên không có thoả thuận nào khác. Ngày 19/2/2024 anh T nộp đơn khởi kiện tại TAND huyện Hoài Đức yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và nợ lãi. Đối với yêu cầu trả nợ gốc là yêu cầu đòi lại tài sản nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu về số tiền nợ lãi, căn cứ giấy vay tiền ngày 07/5/2012, anh L cam kết thời hạn trả nợ là từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/5/2014. Đến hết 07/5/2014, anh L không trả cho anh T số tiền nợ. Vì vậy, ngày 08/5/2014 là thời điểm vi phạm

nghĩa vụ trả nợ. Ngày 19/02/2024, TAND huyện Hoài Đức thụ lý đơn khởi kiện của anh **T**. Quá trình từ thời điểm hết hạn trả nợ theo thoả thuận, anh **T** không khởi kiện vì lý do anh cho rằng anh **L** hứa khi nào bán nhà sẽ trả tiền nhưng anh không xuất trình được tài liệu gì chứng minh về thoả thuận này. Kể từ thời điểm 08/5/2014 (là ngày người có quyền biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm) đến nay, đã quá 03 năm nên yêu cầu thanh toán số tiền lãi là hết thời hiệu khởi kiện là phù hợp với Điều 149, 150, 151, 154, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 184, 185 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu của anh **L** về việc áp dụng thời hiệu đối với số tiền lãi là phù hợp nên được chấp nhận. Do vậy, xác định yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi của anh **T** là hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Ngày 07/5/2012, anh **Nguyễn Minh T** và anh **Trương Văn L** đã ký kết Giấy vay tiền, giấy vay tiền do anh **L** viết, nội dung: “*Hôm nay ngày 07/5/2012 tên tôi là **Trương Văn L** có vay của anh **Nguyễn Minh T** số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất theo thoả thuận là 20.000.000 đồng trên 01 tháng, thời gian vay từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/5/2014 tôi sẽ hoàn trả cả vốn và lãi. Nếu sai với thoả thuận trên tôi sẽ chịu lãi suất gấp đôi theo thoả thuận và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên đã giao nhận số tiền trên đầy đủ trong tình trạng sức khoẻ và trí tuệ hoàn toàn bình thường không bị ép buộc vì điều gì và cũng nhất trí ký tên dưới đây*”. Người cho vay **Nguyễn Minh T**, người vay **Trương Văn L** đã ký.

Anh **T** và anh **L** cùng xác nhận giấy vay tiền này là do anh **L** trực tiếp viết, chữ ký ở dưới đúng là chữ ký của hai bên.

Anh **L** cho rằng số tiền trên là anh chơi cá độ bóng đá do anh **T** làm chủ bị thua nên anh **T** yêu cầu anh phải viết giấy vay nợ, do anh **T** ép anh viết giấy nên anh đã phải viết giấy nhận nợ với nội dung trên và thực tế cũng không có việc giao nhận số tiền này, do vậy, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh **T**. Tuy nhiên, anh **L** không xuất trình được tài liệu gì chứng minh cho toàn bộ lời khai của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Xét, tại thời điểm lập Giấy vay tiền ngày 07/5/2012, anh **L** và anh **T** đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giấy vay tiền do anh **L** tự tay viết, không có tài liệu chứng minh anh **L** bị ép buộc viết giấy, mục đích vay không trái quy định pháp luật. Do vậy, Giấy vay tiền ngày 07/5/2012 có hiệu lực thi hành đối với các bên là phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nội dung giấy vay tiền thể hiện anh **L** xác nhận đã vay của anh **T** số tiền 1.350.000.000 đồng, xác nhận đã nhận đủ số tiền này, hai bên thoả thuận thời hạn vay là từ 07/5/2012 đến 07/5/2014. Hết thời hạn này, anh **L** không trả

anh **T** số tiền nợ gốc như đã cam kết nên anh **T** khởi kiện yêu cầu anh **L** trả số tiền nợ gốc trên là phù hợp với Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi của nguyên đơn:

Theo phân tích trên, yêu cầu về trả số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng tạm tính từ ngày 07/5/2012 đến ngày 07/3/2024 là 2.840.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn phải chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 08/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thoả thuận là 1.48%/tháng, yêu cầu này đã hết thời hiệu khởi kiện, do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của anh **T** là phù hợp với điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh **T** không có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện này là phù hợp với Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh **Trương Văn L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Anh **Nguyễn Minh T** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184, 185, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 149, 150, 151, 154, khoản 2 Điều 155, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Minh T** đối với anh **Trương Văn L** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh **Trương Văn L** thanh toán trả anh **Nguyễn Minh T** số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 07/5/2012 đã ký giữa anh **Nguyễn Minh T** và anh **Trương Văn L**.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Minh T về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 07/5/2012 ký giữa anh Nguyễn Minh T và anh Trương Văn L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền phải thanh toán kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

3. Về án phí:

Anh Trương Văn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 52.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.095.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005684 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Minh T, anh Trương Văn L. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

